

BẢNG ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 THPT CÔNG LẬP NĂM HỌC 2017 - 2018
 (Kèm theo Quyết định số 3816 /QĐ-SGD&ĐT ngày 26 /6/2017)

STT	Trường THPT	Điểm chuẩn	Ghi chú
1.	Chu Văn An	55,5	Tiếng Nhật: 52,0
2.	Phan Đình Phùng	51,5	
3.	Phạm Hồng Thái	50,0	
4.	Nguyễn Trãi- Ba Đình	48,5	
5.	Tây Hồ	46,5	
6.	Thăng Long	52,5	
7.	Việt Đức	52,0	Tiếng Nhật: 44,0 Tiếng Đức: 49,0
8.	Trần Phú-Hoàn Kiếm	51,0	
9.	Trần Nhân Tông	49,0	Tiếng Pháp: 41,0
10.	Đoàn Kết-Hai Bà Trưng	49,5	
11.	Kim Liên	53,0	Tiếng Nhật: 44,0
12.	Yên Hoà	52,5	
13.	Lê Quý Đôn- Đống Đa	51,0	
14.	Nhân Chính	51,0	
15.	Cầu Giấy	50,5	
16.	Quang Trung-Đống Đa	48,0	
17.	Đống Đa	48,0	
18.	Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	46,0	
19.	Ngọc Hồi	46,5	
20.	Hoàng Văn Thụ	46,0	
21.	Việt Nam -Ba Lan	44,0	
22.	Trương Định	43,5	
23.	Ngô Thì Nhậm	42,5	
24.	Đông Mỹ	37,0	
25.	Nguyễn Gia Thiều	50,5	
26.	Cao Bá Quát- Gia Lâm	46,5	
27.	Lý Thường Kiệt	48,5	
28.	Yên Viên	45,0	
29.	Dương Xá	42,5	
30.	Nguyễn Văn Cừ	42,5	
31.	Thạch Bàn	43,0	
32.	Phúc Lợi	43,5	
33.	Liên Hà	48,5	
34.	Vân Nội	44,5	
35.	Mê Linh	46,5	
36.	Đông Anh	45,0	
37.	Cổ Loa	48,0	
38.	Sóc Sơn	45,0	
39.	Yên Lãng	38,0	
40.	Bắc Thăng Long	44,0	
41.	Đa Phúc	42,0	





42.	Trung Giã	41,5	
43.	Kim Anh	39,5	
44.	Xuân Giang	38,5	
45.	Tiền Phong	39,0	
46.	Minh Phú	36,5	
47.	Quang Minh	35,5	
48.	Tiến Thịnh	28,5	
49.	Tự Lập	27,0	
50.	Nguyễn Thị Minh Khai	52,5	
51.	Xuân Đỉnh	50,0	
52.	Hoài Đức A	47,0	
53.	Đan Phượng	43,0	
54.	Thượng Cát	46,0	
55.	Trung Văn	44,5	
56.	Hoài Đức B	42,5	
57.	Tân Lập	41,0	
58.	Vạn Xuân – Hoài Đức	41,5	
59.	Đại Mỗ	40,5	
60.	Hồng Thái	38,5	
61.	Sơn Tây	47,5	Tiếng Pháp: 44,5
62.	Tùng Thiện	44,0	
63.	PT Dân tộc nội trú	37,0	
64.	Quảng Oai	37,0	
65.	Ngô Quyền-Ba Vì	35,5	
66.	Ngọc Tảo	41,5	
67.	Phúc Thọ	41,5	
68.	Ba Vì	31,0	
69.	Vân Cốc	36,5	
70.	Bát Bạt	23,0	
71.	Xuân Khanh	30,5	
72.	Minh Quang	22,0	
73.	Quốc Oai	44,0	
74.	Thạch Thất	45,0	
75.	Phùng Khắc Khoan-Thạch Thất	41,0	
76.	Hai Bà Trưng-Thạch Thất	39,0	
77.	Minh Khai	37,0	
78.	Cao Bá Quát- Quốc Oai	36,5	
79.	Bắc Lương Sơn	31,0	
80.	Lê Quý Đôn – Hà Đông	51,5	
81.	Quang Trung- Hà Đông	48,5	
82.	Thanh Oai B	40,0	
83.	Chương Mỹ A	45,5	
84.	Xuân Mai	40,0	
85.	Nguyễn Du – Thanh Oai	40,0	
86.	Trần Hưng Đạo- Hà Đông	40,0	
87.	Chúc Động	37,0	
88.	Thanh Oai A	37,0	
89.	Chương Mỹ B	33,0	

CÁ

 PHÓ

90.	Lê Lợi – Hà Đông	41,0	
91.	Thường Tín	43,5	
92.	Phú Xuyên A	37,5	
93.	Đồng Quan	36,0	
94.	Phú Xuyên B	31,0	
95.	Tô Hiệu -Thường Tín	37,0	
96.	Tân Dân	30,0	
97.	Nguyễn Trãi – Thường Tín	37,0	
98.	Vân Tảo	34,5	
99.	Lý Tử Tấn	31,5	
100.	Mỹ Đức A	40,5	
101.	Ứng Hoà A	34,0	
102.	Mỹ Đức B	34,0	
103.	Trần Đăng Ninh	30,0	
104.	Ứng Hoà B	22,0	
105.	Hợp Thanh	26,0	
106.	Mỹ Đức C	22,0	
107.	Lưu Hoàng	22,0	
108.	Đại Cường	22,0	

